

Số/No: 24/TN5/1002-01

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0934KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí xung quanh (không khí ngoài trời) khu vực cổng Công ty.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023/BTNMT	Kết quả
1	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	≤ 350	32,2
2	NO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 406	≤ 200	34,5
3	CO	µg/Nm ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
4	HCl	µg/Nm ³	NIOSH Method 7907	≤ 60	KPH (GHPH = 5,0)
5	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10,0)
6	THC	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 150)
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	≤ 300	182
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 70	60,3

Ghi chú: - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-02

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0935KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí xung quanh (không khí ngoài trời) khu vực cuối Công ty.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 05:2023/BTNMT	Kết quả
1	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704A	≤ 350	33,3
2	NO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 406	≤ 200	32,8
3	CO	µg/Nm ³	TN5/HD.HT/06	≤ 30000	KPH (GHPH = 3000)
4	HCl	µg/Nm ³	NIOSH Method 7907	≤ 60	KPH (GHPH = 5,0)
5	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701	≤ 42	KPH (GHPH = 10,0)
6	THC	µg/Nm ³	NIOSH Method 1500	≤ 5000	KPH (GHPH = 150)
7	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	≤ 300	173
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 70	58,2

Ghi chú: - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-03

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0936KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line C đầu máy M89.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	30,6
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	77,3
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	0,5
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,223
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	78,9
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,037
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,036
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	876

Ghi chú:

- Giới hạn Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn Bụi theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂ theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn THC theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-04

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0937KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line D đầu máy M75.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	31,7
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	76,8
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	0,5
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,239
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	79,6
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,034
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,035
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	884

Ghi chú:

- Giới hạn Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn Bụi theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂ theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn THC theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-05

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0938KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line A đầu máy M38.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	31,3
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	75,3
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	0,5
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,202
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	81,5
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HIT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,036
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,037
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	855

Ghi chú:

- Giới hạn Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn Bụi theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂ theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn THC theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TU. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-06

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0939KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Không khí môi trường lao động trong xưởng sản xuất – Line B đầu máy M81.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức quy định	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	18 đến 32	31,4
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	40 đến 80	78,2
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,2 đến 1,5	0,5
4	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	≤ 8,0	0,211
5	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	78,3
6	CO	mg/m ³	TN5/HD.HIT/06	≤ 40	KPH (GHPH = 3,0)
7	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704A	≤ 10	0,038
8	NO ₂	mg/m ³	MASA Method 406	≤ 10	0,035
9	THC	mg/m ³	NIOSH Method 1500	≤ 300	KPH (GHPH = 0,150)
10	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	≤ 7,5	KPH (GHPH = 0,005)
11	CO ₂	mg/m ³	TN5/HD.HT/227	≤ 18000	869

Ghi chú:

- Giới hạn Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động không khí theo QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc (loại lao động trung bình);
- Giới hạn Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h);
- Giới hạn Bụi theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- Giới hạn CO, SO₂, NO₂, HCl, CO₂ theo QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- Giới hạn THC theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024
GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-07

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0940KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực kho hàng.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày đo đạc, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 29/05/2024.
5. Ngày hoàn thành: 29/05/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	67,9

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

TU. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-08

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0941KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực phòng tái chế.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày đo đạc, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 29/05/2024.
5. Ngày hoàn thành: 29/05/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	90,1

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Cao Lam Giang

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-09

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0942KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực phòng cơ khí.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày đo đạc, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 29/05/2024.
5. Ngày hoàn thành: 29/05/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	72,5

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

GIÁM ĐỐC

Cao Lam Giang

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-10

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0943KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Môi trường lao động - khu vực văn phòng.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày do đạc, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 29/05/2024.
5. Ngày hoàn thành: 29/05/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 24:2016/BYT	Kết quả
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	≤ 85	68,2

Ghi chú: - QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (8h).

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-11

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0944KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải công nghiệp quạt hút phía Bắc.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($K_p = 1,0$; $K_v = 0,7$)	Kết quả
1	SO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 6	≤ 350	KPH (GHPH = 10,0)
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	US EPA Method 7	≤ 595	KPH (GHPH = 10,0)
3	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	≤ 700	KPH (GHPH = 10,0)
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 140	< 15,0
5	H ₂ S	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	≤ 5,25	KPH (GHPH = 0,5)
6	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	≤ 35	KPH (GHPH = 0,50)
7	THC	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (GHPH = 1,0)

Ghi chú: - QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- K_p : Hệ số lưu lượng nguồn thải; K_v : Hệ số vùng, khu vực;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; -: Không quy định.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24/TN5/1002-12

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2024/0945KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải công nghiệp quạt hút phía Nam.
2. Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long.
3. Ngày lấy mẫu, quan trắc: 29/05/2024.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày 29/05/2024 đến ngày 10/06/2024.
5. Ngày hoàn thành: 28/06/2024.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCTĐHN 01:2014/BTNMT ($K_p = 1,0$; $K_v = 0,7$)	Kết quả
1	SO ₂	mg/Nm ³	US EPA Method 6	≤ 350	KPH (GHPH = 10,0)
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	US EPA Method 7	≤ 595	KPH (GHPH = 10,0)
3	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	≤ 700	KPH (GHPH = 10,0)
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 140	< 15,0
5	H ₂ S	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	≤ 5,25	KPH (GHPH = 0,5)
6	HCl	mg/Nm ³	TCVN 7244:2003	≤ 35	KPH (GHPH = 0,50)
7	THC	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (GHPH = 1,0)

Ghi chú: - QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội;
- K_p: Hệ số lưu lượng nguồn thải; K_v: Hệ số vùng, khu vực;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; -: Không quy định.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Cao Lam Giang

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
5. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.